

Bản án số: 811/2020/HS-PT
Ngày 23- 12 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Văn Kết

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hồng Phong

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng – Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 561/2020/TLPT-HS ngày 16 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Trần Thanh Q cùng đồng phạm, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn V đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 368/2020/HS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Văn V** (tên gọi khác: không); giới tính: Nam; sinh năm: 1964, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Số 1276/19 (số cũ 60/8C), Đường Q Trung, Phường 14, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; nghề nghiệp: Chạy xe ôm; con ông Nguyễn Văn Bộ (đã chết) và bà Võ Thị Sáu (đã chết); bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Búp - sinh năm: 1984 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/9/2019 tại Trại tạm giam Chí Hòa - Công an Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa)

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo V: Luật sư Phạm Q Hiếu, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa)

- Bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị (không triệu tập):

1. Trần Thanh Q (tên gọi khác: Không); giới tính: Nam; sinh ngày: 10/5/1989; tại: tỉnh Lâm Đồng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Tân Tiến, xã T1, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở trước khi bị bắt: Phòng số 12, chung cư 2A, Số 6 Minh Phụng, phường T2, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: không; con ông Trần Thanh Phong, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Dung (đã chết); Hoàn cảnh gia đình: Bị cáo có 02 người em (lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1993); bị cáo sống chung như vợ chồng với Đào Thị Phương Hồng T (là bị cáo chung vụ) và có 01 con chung là Đào Anh Quân - sinh ngày 27/02/2020; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Theo Bản án số 563/2007/HS-ST ngày 14/6/2007, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia”.

2. Đào Thị Phương Hồng T (tên gọi khác: không); giới tính: Nữ; sinh ngày: 22/10/1996, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 38/1, ấp Tiên Lân, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Phòng số 12, chung cư 2A, Số 6 Minh Phụng, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: không; con ông Đào Tâm Thiện - sinh năm 1975 và bà Tạ Thị Bích Nga - sinh năm 1969; bị cáo đã ly hôn với chồng là Nguyễn Ngọc Đạt và có 03 con gồm: Nguyễn Ngọc Kim Tuyền- sinh năm 2013, Nguyễn Ngọc Anh Tài- sinh năm 2014 (là 02 con chung của bị cáo T với Đạt) và Đào Anh Quân - sinh ngày 27/02/2020 (con chung của bị cáo T và bị cáo Q); tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 24/9/2019 đến ngày 03/10/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Trần Thị Bé N – sinh năm 1988; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Hòa An, xã H1, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Chỗ ở: TK21/24 Nguyễn Cảnh Chân, phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (*không triệu tập*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 24/9/2019, tại quầy lễ tân khách sạn Vũ Hiệp số 23/5, ấp Hưng Lân, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh đội cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy Công an huyện H phối hợp Công an xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn phát hiện bắt quả tang Đào Thị Phương Hồng T đang có hành vi cất giấu chất ma túy để bán cho người khác. Vật chứng thu giữ:

Trên tay trái của T cầm 01 vỏ bao thuốc lá hiệu “Jet” bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, khối lượng 9,9307g loại MA; 01 điện thoại di động Samsung; 01 xe máy Vision màu đỏ đen biển số 62M1-554.42.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của T chung sống như vợ chồng với Trần Thanh Q tại Phòng 12, chung cư 2A, Số 6 Minh Phụng, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, thu giữ:

- Thu trong túi quần trái của Q đang mặc 01 gói nylon chứa 1,1622 gam, loại Methamphetamine.

- Thu trên gác trong nhà bên góc phải 01 khẩu trang y tế có 02 gói nylon chứa 67,1875 gam, loại Methamphetamine.

- Thu trên sàn nhà trên gác 01 gói nylon chứa 0,9156 gam, loại Methamphetamine.

- 01 cân tiểu ly; 01 cái kéo kim loại; 01 hộp quẹt gas; 01 dao lam và một số bịch nylon (kích thước khoảng 5x10cm).

Mở rộng điều tra, vào khoảng 01 giờ 40 phút ngày 25/9/2019, tại trước nhà số 34/4C Phan Văn Hớn, ấp Nam Tân, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện H phối hợp với Công an xã B phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn V đang điều khiển xe gắn máy biển số 59V2-774.01 có hành vi “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Vật chứng thu giữ:

- Thu tại móc treo phía trước bên trái xe máy của V điều khiển: 01 túi nylon bên trong có 02 gói sữa hiệu TH True Milk; 01 bì thư được dán kín, bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 50,023 gam loại Methamphetamine (MA).

- Thu tại móc treo phía trước bên phải xe máy của V điều khiển: 03 gói nylon màu đen được lồng vào nhau, bên trong có 12 quẹt gas, 04 ống nhựa màu trắng, 02 co thủy tinh chưa qua sử dụng. Ngoài ra Công an huyện Hóc Môn còn thu giữ của V 01 điện thoại di động hiệu SamSung mang sim số 0989723732; 01 xe gắn máy biển số 59V2-774.01; số tiền 9.109.000 đồng; 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy đăng ký xe và 01 bằng lái xe mang tên Nguyễn Văn V.

Toàn bộ số ma túy thu giữ trong vụ án đã được trưng cầu giám định, kết quả thể hiện tại Kết luận giám định số 1829/KLGD-H và số 1833/KLGD-H cùng ngày 03/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình điều tra, Trần Thanh Q khai nhận: T và Q cùng nghiện ma túy đá và sống chung với nhau như vợ chồng. Từ tháng 8/2019 Q biết 01 người

phụ nữ tên Linh (không rõ lai lịch) có bán ma túy nên đã 03 lần mua ma túy của Linh, cụ thể:

Lần 1: Khoảng ngày 05/9/2019, Q chở T bằng xe gắn máy biển số 62M1-554.42 đến khu vực quận Tân Bình (không rõ địa chỉ cụ thể). Q đi bộ vào gặp Linh mua 50 gam ma túy đá giá 19.000.000 đồng. T chỉ biết Q đi mua ma túy, còn việc giao dịch mua bán ma túy cụ thể giữa Q và Linh, T không biết.

Lần 2: Khoảng ngày 12/9/2019, Q một mình đi đến khu vực Quận 6 mua của Linh 50 gam ma túy đá giá 19.000.000 đồng.

Lần 3: Cách ngày bị bắt khoảng 01 tuần, Q đặt mua của Linh 50 gam ma túy đá. Linh hẹn Q ra khu vực trước nhà thờ Lạc Q đường Trường Chinh, phường Tân Sơn Nhất, Quận 12 để gặp người của Linh nhận ma túy. Sau đó, khoảng từ 17 giờ 30 phút đến 18 giờ 00 cùng ngày, Nguyễn Văn V là người trực tiếp đem ma túy của Linh đến giao cho Q và nhận 19.000.000 đồng từ Q.

Các lần mua được ma túy của Linh, Q đều đem về chỗ ở cất giấu, phân ra bán lẻ cho người nghiện kiếm lời. Khối lượng Q mua ma túy và việc Q phân chia ma túy cụ thể T không biết, T chỉ phụ giúp Q mang ma túy đi giao cho khách khi Q bận.

Đào Thị Phương Hồng T khai nhận phù hợp lời khai của Trần Thanh Q: bị cáo T và Q chung sống như vợ chồng, và T biết Q mua bán ma túy nhưng Q mua ma túy của ai, bán cho ai số lượng bao nhiêu T không biết. T khai biết Q đi mua ma túy và có một lần đi cùng Q nhưng T đi theo chơi, chỉ đứng ngoài mà không biết Q giao dịch mua ma túy của ai cũng như khối lượng, giá cả ma túy như thế nào. Q mang ma túy về tự phân chia và cất giấu T không tham gia. Khi Q bận thì nhờ T giúp Q đem ma túy đi giao cho người mua. T khai đã trực tiếp đi giao ma túy cho Q được 03 lần: 02 lần đầu, mỗi lần đi giao cho người nghiện 01 gói ma túy giá 300.000 đồng. Lần 3: Vào ngày 24/9/2019, Q nói T đem 10 gam ma túy đá đến khách sạn Vũ Hiệp giao cho 01 người phụ nữ tên Nhung (không rõ lai lịch) và đem số tiền 6.500.000 đồng (gồm 4.500.000 đồng tiền bán 10 gam ma túy và 2.000.000 đồng tiền Nhung còn nợ Q) về cho Q, tuy nhiên T chưa kịp bán ma túy cho Nhung thì bị bắt quả tang như đã nêu trên.

Nguyễn Văn V khai nhận: V làm nghề chạy xe ôm truyền thống. Cách ngày bị bắt khoảng 04 tháng, V có quen với 01 đối tượng tên Su (không rõ lai lịch) và thường giúp Su mua đồ ăn và được Su trả công từ 20.000 đồng đến 30.000 đồng. Đến khoảng 01 giờ 00 ngày 25/9/2019, khi V đang đậu xe tại ngã tư đường Bàu Cát 3 - Nguyễn Hồng Đào thì Su gọi điện cho V qua số điện thoại 0775117371 nói V chạy đến hẻm 119 đường Tân Hoà Đông, Quận 6 gặp Su cầm bịch sữa đem về ngã tư Phan Văn Hớn thuộc xã B, H giao cho bạn của Su và lấy tiền 19.000.000 đồng đem về cho Su rồi Su sẽ trả tiền công nhưng chưa nói sẽ trả bao nhiêu tiền, V đồng ý. Sau đó, V chạy xe máy đến hẻm 119 và gọi điện báo Su thì Su cho 01 người thanh niên (không rõ lai lịch) đi bộ từ

trong hẻm ra đưa cho V 01 gói nylon màu đỏ. V không kiểm tra bên trong gói nylon này chứa gì mà treo lên móc bên trái xe gắn máy của V rồi điều khiển xe đến ngã tư Phan Văn Hớn thuộc xã B, huyện H. Tại đây, khi V đang liên lạc tới số điện thoại mà Su cho (số điện thoại của Q 0902973332) để gọi bạn của Su ra nhận gói đồ, nhưng đang thực hiện thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt giữ như đã nêu trên. V khai, đây là lần đầu tiên V đi giao đồ giúp Su và cũng không biết bên trong gói đồ Su đưa có chứa ma túy. V cũng không thừa nhận đã từng gặp và giao ma túy cho Q như lời Q khai. Sau đó, V thay đổi lời khai, chỉ thừa nhận việc đi giao giùm Su bịch sữa, Su không nhờ V nhận 19.000.000 đồng, cũng không trả tiền công cho V mà người nhận hàng sẽ trả 50.000 đồng. Tuy nhiên căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định V đã thực hiện hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy như đã nêu trên.

Đối với 12 quẹt gas, 04 ống nhựa và 02 co thủy tinh thu giữ tại móc treo phía trước bên phải xe máy của V điều khiển, V khai: Khoảng 19 giờ ngày 24/9/2019, khi V đang đậu xe ở khu vực đường Bàu Cát thì có 01 người thanh niên (không rõ lai lịch) tới gặp V, nhờ V ra khu vực cầu Tham Lương, quận Tân Bình gặp những người bán thuốc lá bên lề đường để mua giúp hơn “10 hộp quẹt và 02 cái nôi” rồi về người thanh niên này sẽ trả tiền công thì V đồng ý. Sau đó, V chạy xe ra khu vực cầu Tham Lương gặp 01 người phụ nữ bán thuốc lá (không rõ lai lịch) mua 12 cái quẹt gas, 04 ống nhựa và 02 co thủy tinh với giá tiền 68.000 đồng (tiền do V ứng trước) rồi quay lại vị trí cũ nhưng người thanh niên trên vẫn chưa quay lại lấy nên số đồ này V vẫn treo trên xe của mình. V khai không biết các món đồ này dùng để làm gì, V chỉ thực hiện theo hướng dẫn của người thanh niên, ra gặp những người bán thuốc lá ở khu vực cầu Tham Lương mua.

Đối với các đối tượng tên Linh, Su (là người bán ma túy, đưa ma túy cho V vận chuyển) và những người mua ma túy của Q, T, do Q, T và V khai không rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh làm rõ để xử lý.

** Vật chứng vụ án:*

- Thu giữ của Trần Thanh Q:

+ 03 gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 1833/19 (G2, G3, G4), có chữ ký của giám định viên Nguyễn Mạnh Cường và điều tra viên Cấn Đình Vũ, bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

+ 01 khẩu trang y tế; 01 cân tiểu ly, 01 cây kéo; 03 quẹt gas; 01 dao lam; một số bịch nylon không chứa gì (dụng cụ Q phân chia ma túy để bán).

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung (gắn 01 sim). Q khai sử dụng liên lạc mua bán ma túy.

+ 01 xe gắn máy gắn biển số 61M1-554.42; số khung:RLHJF5815GY809907; số máy: JF66E-0844841. Q khai mua xe trên mạng của một người không rõ lai lịch, không có giấy tờ xe. Giám định số khung, số máy không thay đổi. Kết quả xác minh xe có biển số thật là 64E1-403.96 do chị Trần Thị Bé N (SN: 1998, HKTT: ấp Hòa An, xã Hòa Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long) đứng tên chủ sở hữu. Chị Nhi bị mất xe tại nhà số E11/334i, ấp 5, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 13/11/2018. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã giao chiếc xe cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh tiếp nhận để xử lý theo thẩm quyền.

- Thu giữ của Nguyễn Văn V:

+ 01 gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 1833/19, bên ngoài có chữ ký của giám định viên Nguyễn Mạnh Cường và điều tra viên Cán Đình Vũ, bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

+ 01 bịch nylon màu đỏ, 02 bịch sữa TH True Milk; 01 bao thư bằng giấy.

+ 03 bịch nylon màu đen; 12 hộp quẹt gas; 04 ống nhựa màu trắng; 02 co thủy tinh.

+ 01 điện thoại di động Samsung (có gắn sim), V khai sử dụng liên lạc thường ngày và liên lạc với Su (người đưa ma túy cho V vận chuyển).

+ 01 giấy CMND; 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy; 01 giấy phép lái xe (tất cả là bản chính mang tên Nguyễn Văn V).

+ Số tiền 9.109.000 đồng (đã nộp Kho bạc nhà nước Quận 10), V khai là tiền cá nhân của V do chạy xe ôm để dành mà có.

+ 01 xe gắn máy biển số 59V2-774.01; số khung: RLHTA3908HY248094; số máy: RLHJA3908HY248139 do Nguyễn Văn V đứng tên chủ sở hữu. V khai mua xe để làm nghề chạy xe ôm.

- Thu giữ của Đào Thị Phương Hồng T:

+ 01 gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 1829/19 (G1), có chữ ký của giám định viên Phan Hoàng Trạc và điều tra viên Cán Đình Vũ, bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

+ 01 vỏ bao thuốc lá Zet để cất giấu ma túy.

+ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy.

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung (gắn 01 sim). T khai sử dụng liên lạc với người thân và mua bán ma túy.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 368/2020/HS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Căn cứ điểm b khoản 3 và khoản 5 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Trần Thanh Q:** 16 (Mười sáu) năm tù, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù được tính từ ngày 25/9/2019.

Buộc bị cáo Trần Thanh Q phải nộp phạt bổ sung số tiền 15.000.000 (Mười năm triệu) đồng để sung quỹ nhà nước.

2. Căn cứ điểm b khoản 3 và khoản 5 Điều 250; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn V:** 15 (Mười lăm) năm tù, về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù được tính từ ngày 25/9/2019.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải nộp phạt bổ sung số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng để sung quỹ nhà nước.

3. Căn cứ các điểm b, i khoản 2 Điều 250; các điểm n, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Đào Thị Phương Hồng T:** 04 (Bốn) năm tù, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án và được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 24/9/2019 đến ngày 03/10/2019.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/9/2020, bị cáo Nguyễn Văn V có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đối với các bị cáo Trần Thanh Q, Đặng Thị Phương T sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Văn V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; lý do kháng cáo: án sơ thẩm xử phạt bị cáo 15 năm tù là quá nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo cho rằng bản thân bị cáo bị mù chữ nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “*phạm tội do lạc hậu*” theo điểm m khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xử dưới khung hình phạt theo khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355

và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn V khai nhận, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ, thể hiện: Bị cáo làm nghề chạy xe ôm truyền thống và có quen với 01 đối tượng tên Su (không rõ lai lịch) và thường giúp Su mua đồ ăn và được Su trả công từ 20.000 đồng đến 30.000 đồng.

Khoảng 01 giờ 00 ngày 25/9/2019, tại trước nhà số 34/4C Phan Văn Hớn, ấp Nam Lân, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện H phối hợp với Công an xã Bà Điểm phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn V đang điều khiển xe gắn máy biển số 59V2-774.01 có hành vi “Vận chuyển trái phép chất ma túy”; bị cáo khai là đi giao đồ cho đối tượng tên Su; Tiến hành khám xét và thu giữ:

- Tại móc treo phía trước bên trái xe máy của V điều khiển: 01 túi nylon bên trong có 02 gói sữa hiệu TH True Milk; 01 bì thư được dán kín, bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, Kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 50,023 gam loại Methamphetamine (MA).

- Thu tại móc treo phía trước bên phải xe máy của V điều khiển: 03 gói nylon màu đen được lồng vào nhau, bên trong có 12 quẹt gas, 04 ống nhựa màu trắng, 02 co thủy tinh chưa qua sử dụng.

- Với hành vi bị bắt quả tang nêu trên của bị cáo V đã cấu thành vào tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”, phạm tội thuộc trường hợp “*Methamphetamine có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam*”;

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 368/2020/HSST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 3 Điều 250 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn V thấy rằng: Tội phạm bị cáo thực hiện là đặc biệt nghiêm trọng (có mức hình phạt từ 15 năm đến 20 năm), khối lượng *Methamphetamine* bị cáo vận chuyển là 50,023 gam; Hành vi phạm tội của các bị cáo là một trong những nguyên nhân làm phát sinh tệ nạn xã hội và nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Nên việc áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo là cần thiết. Án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tính chất vụ án, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Thành

khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nuôi con nhỏ, phạm tội lần đầu để phạt bị cáo 15 năm tù là mức khởi điểm của khung hình phạt là tương xứng, đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “*phạm tội do lạc hậu*” vì bản thân bị cáo bị mù chữ. Thấy rằng, việc bị cáo mù chữ không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo;

Tuy nhiên, phần quyết định bản án sơ thẩm không tuyên bố các bị cáo phạm tội gì là chưa đúng với hướng dẫn, cấp phúc thẩm cần tuyên lại cho đúng.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[4] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn V; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 368/2020/HSST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hình phạt đối với bị cáo V.

2. Căn cứ điểm b khoản 3 và khoản 5 Điều 250; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn V 15 (mười lăm) năm tù**; Thời hạn tù được tính từ ngày 25/9/2019.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn V số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng;

2. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Chí Hòa;
- Bị cáo tạm giam (Trại tạm giam Chí Hòa tổng đạt cho bị cáo);
- Người tham gia tố tụng khác;
- UBND Phường 14, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án (ĐTT-16).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chung Văn Kết

